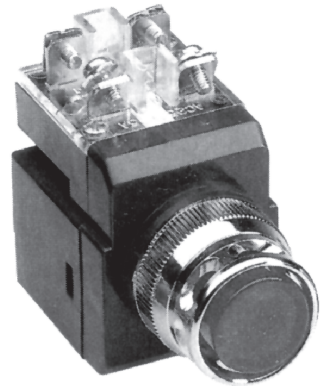
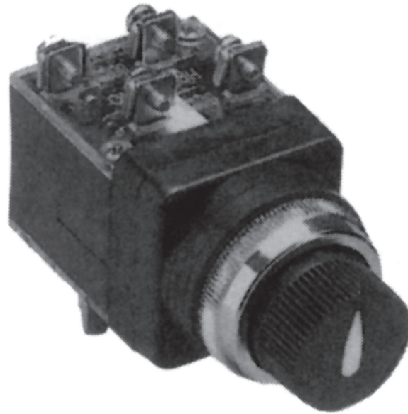


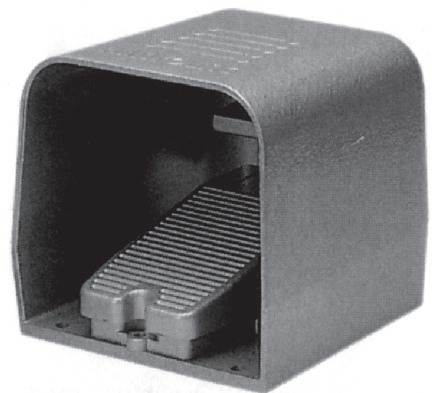
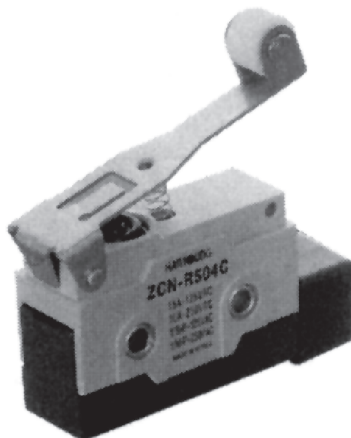
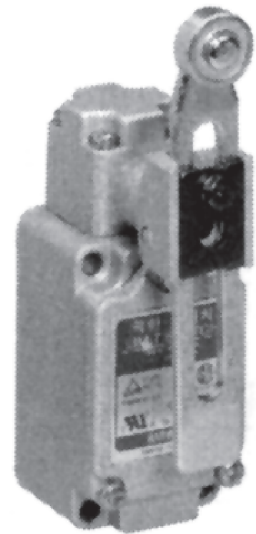
HANYOUNG

SWITCH

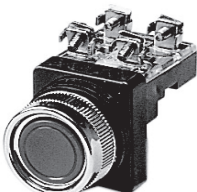
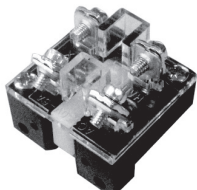
(Giá đã có VAT 10%)



04/2016



DÒNG SẢN PHẨM CR- MÀU: R (đỏ), G (xanh), Y (vàng)

Hình ảnh	Mã hàng	Đặc điểm kỹ thuật			Đơn giá VND
		Kích thước	Tiếp điểm	Điện áp	
NÚT NHẤN KHÔNG ĐÈN					
	CR-251-1	Φ 25	1 NO + 1 NC		32,000
	CR-301-1	Φ 30			34,000
	CR-251-2	Φ 25	2 NO + 2 NC		52,000
	CR-301-2	Φ 30			53,000
ĐÈN BÁO					
	ĐÈN CHỮ NHẬT				
	CR-40-A0-W	Mặt chữ nhật 40x32x75mm		LED, Nguồn 220 VAC	66,000
	CR-40-D0-W			LED, Nguồn 24VDC	66,000
	CR-40	Phụ kiện chữ thập ghép đèn thành khối			3,000
	ĐÈN VUÔNG				
	CD-SA	Mặt vuông 30x30mm		Nguồn 24 VAC	136,000
	CD-SD	Mặt vuông 30x30mm		Nguồn 24 VAC	135,000
PHỤ KIỆN					
	CR-10 (mã cũ CR-12)	Tiếp điểm	Cho nút nhấn, công tắc xoay, nút nhấn khẩn không giữ		21,000
	CR-20 (mã cũ CR-12R)		Cho nút nhấn dừng khẩn giữ, nút nhấn có đèn		22,000

Hình ảnh	Mã hàng	Đặc điểm kỹ thuật			Đơn giá VND
		Kích thước	Tiếp điểm	Điện áp	
CÔNG TẮC XOAY					
	CR-253-1	Φ 25 2 vị trí	1 NO + 1 NC	36,000	
	CR-253-3	Φ 25 3 vị trí			
	CR-303-1	Φ 30 2 vị trí			
	CR-303-3	Φ 30 3 vị trí			
	CR-2511-1	Φ 25 2 vị trí có chìa khóa	1 NO + 1 NC	138,000	
	CR-2511-3	Φ 25 3 vị trí có chìa khóa			
	CR-3011-1	Φ 30 2 vị trí có chìa khóa			
	CR-3011-3	Φ 30 3 vị trí có chìa khóa			
	CR-308	Nhấn xoay, 2 vị trí	1 NO + 1 NC	132,000	
NÚT DỪNG KHẨN					
	CR-257R-1	Φ 25 Nhấn giữ	1 NO + 1 NC	35,000	
	CR-307R-1	Φ 30 Nhấn giữ		33,000	
	CR-257-1	Φ 25 Nhấn nhả			
	CR-307-1	Φ 30 Nhấn nhả			

DÒNG SẢN PHẨM CR MỚI CÓ ĐÈN LED- MÀU: R (đỏ), G (xanh), Y (vàng)

Hình ảnh	Mã hàng	Đặc điểm kỹ thuật			Đơn giá VND
		Kích thước	Tiếp điểm	Điện áp	
NÚT NHẤN CÓ ĐÈN LED					
	CR-254-A0	Φ 25	1 NO + 1 NC	LED, 110V	67,000
	CR-304-A0	Φ 30			68,000
	CR-254-D0	Φ 25		LED, 220V	57,000
	CR-304-D0	Φ 30			57,000
	CR-254-A3	Φ 25		LED, 380V	65,000
	CR-304-A3	Φ 30			66,000
ĐÈN BÁO LED					
	CR-252-A0	Φ 25		LED, 110V- 220V	42,000
	CR-302-A0	Φ 30			42,000
	CR-252-A3	Φ 25		LED, 380V	42,000
	CR-302-A3	Φ 30			42,000
	CR-252-D0	Φ 25		LED, 12 - 24VDC	46,000
	CR-302-D0	Φ 30			46,000

DÒNG SẢN PHẨM AR- Φ22 và Φ25 (MÀU: R, G, Y, A, B)

Hình ảnh	Mã hàng	Đặc điểm kỹ thuật		Đơn giá VND
		Tiếp điểm	Điện áp	
LOẠI KHÔNG ĐÈN - Φ22				
	NÚT NHẤN KHÔNG ĐÈN - Φ22			
	ARF-F1-12-R (G,Y,A,B)	1 NO + 1 NC	Nhấn nhả	53,000
	AR-112		Đuôi (tiếp điểm) nút nhấn nhả	42,000
	ARF-F		Đầu nút nhấn	11,000
	AR-212		Đuôi (tiếp điểm) nút nhấn giữ	56,000
	ARF-F2-12-R (G,Y,A,B)		Nhấn giữ	67,000
	NÚT NHẤN KÍN NƯỚC - Φ22			
	ARF-B1-12-R (G,Y,A,B)	1 NO + 1 NC	Nhấn nhả	61,000
	ARF-B2-12-R (G,Y,A,B)		Nhấn giữ	75,000
	AR-73		Vỏ chống nước	8,000
	NÚT NHẤN VUÔNG - Φ22			
	ARC-S1-12-R (G,Y,A,B)	1 NO + 1 NC	Nhấn nhả	60,000
	AR-112		Đuôi (tiếp điểm) nút nhấn nhả	42,000
	ARC-S		Đầu nút nhấn	18,000
	AR-212		Đuôi (tiếp điểm) nút nhấn giữ	56,000
	ARC-S2-12-R (G,Y,A,B)		Nhấn giữ	74,000
	NÚT NHẤN VUÔNG DẠNG NẰM - Φ22			
	ARC-P1-12-Y (R,G,,A,B)	1 NO + 1 NC	Nhấn nhả	62,000
	AR-112		Đuôi (tiếp điểm) nút nhấn nhả	42,000
	ARC-P		Đầu nút nhấn	20,000
	AR-212		Đuôi (tiếp điểm) nút nhấn giữ	56,000
	ARC-P2-12-Y(R,G,,A,B)		Nhấn giữ	76,000
	NÚT NHẤN MŨI TÊN - Φ22			
	ARC-I1-12R (Y,G)	1 NO + 1 NC	Nhấn nhả	62,000
	AR-112		Đuôi (tiếp điểm), nhấn nhả	42,000
	ARC-I		Đầu nút nhấn	20,000
	AR-212		Đuôi (tiếp điểm), nhấn giữ	56,000
	ARC-I2-12R (Y,G)		Nhấn giữ	76,000
	CÔNG TẮC XOAY 2 VỊ TRÍ - Φ22			
	ARS-S2-12	1 NO + 1 NC	Loại ngắn, tự giữ	52,000
	AR-112		Đuôi (tiếp điểm) công tắc ngắn, tự giữ	42,000
	ARS-S2		Đầu công tắc	10,000
	ARS-S2R-12	1 NO + 1 NC	Loại ngắn, tự trả về	62,000
	ARS-L2-12	1 NO + 1 NC	Loại dài, tự giữ	52,000
	ARS-L2		Đuôi (tiếp điểm) công tắc dài, tự giữ	10,000
	AR-112		Đầu công tắc	42,000
	ARS-L2R-12	1 NO + 1 NC	Loại dài, tự trả về	62,000

Hình ảnh	Mã hàng	Đặc điểm kỹ thuật		Đơn giá VND
		Tiếp điểm	Điện áp	
	CÔNG TẮC XOAY 3 VỊ TRÍ - Φ22			
	ARS-S3-11	1 NO + 1 NC	Loại ngắn, tự giữ	52,000
	ARS-S3R(L)-11		Loại ngắn, trái(phải) tự trả về	62,000
	ARS-S3LR-11		Loại ngắn, trái và phải tự trả về	62,000
	ARS-L3-11		Loại dài, tự giữ	52,000
	ARS-L3R(L)-11		Loại dài, tự trả	62,000
	ARS-L3RL-11		Loại dài, tự trả về	62,000
	CÓ CHÌA KHÓA - Φ22			
	ARK-2-12	1 NO + 1 NC	Hai vị trí, tự giữ	106,000
	ARK-2		Đầu công tắc	64,000
	AR-112		Đuôi (tiếp điểm) công tắc hai vị trí	42,000
	ARK-3-12	1 NO + 1 NC	Ba vị trí, tự giữ	106,000
	ARK-3		Đầu công tắc	64,000
	AR-112		Đuôi (tiếp điểm) công tắc ba vị trí	42,000
LOẠI CÓ ĐÈN - Φ22				
  	NÚT NHẤN CÓ ĐÈN TRÒN - Φ22			
	ARX-P1-112A2R (Y,G) Nhấn nhả	1 NO + 1 NC	Đèn sợi đốt, 220 VAC	88,000
	AR-112A2		Đuôi (tiếp điểm), nhấn nhả	73,000
	ARX-P		Đầu nút nhấn	15,000
	AR-212A2		Đuôi (tiếp điểm), nhấn giữ	87,000
	ARX-P2-12A2R (Y,G) Nhấn giữ		Đèn sợi đốt, 220 VAC	102,000
	ARX-P1-12B24R (Y,G) Nhấn nhả	1 NO + 1 NC	Đèn sợi đốt, 24 VDC	70,000
	AR-112B24		Đuôi (tiếp điểm), nhấn nhả	55,000
	ARX-P		Đầu nút nhấn	15,000
	AR-212B24		Đuôi (tiếp điểm), nhấn giữ	69,000
	ARX-P2-12B24R (Y,G) Nhấn giữ		Đèn sợi đốt, 24 VDC	84,000
	ARX-P1-12L24R(Y,G) Nhấn nhả	1 NO + 1 NC	Đèn LED 24 VDC	155,000
	ARX-P2-12L2R (Y,G) Nhấn giữ		Đèn LED 24 VDC	173,000
	ARX-S-12A2 Công tắc ON-OFF		Đèn sợi đốt, 220 VAC	111,000
	ARX-S-12B24 Công tắc ON-OFF		Đèn sợi đốt, 24 VDC	93,000

Hình ảnh	Mã hàng	Đặc điểm kỹ thuật		Đơn giá VND
		Tiếp điểm	Điện áp	
	ĐÈN BÁO - Φ22			
	ARP-F-A2R (Y,G)		Đèn biến thế 220 VAC	53,000
	AR-A2		Phần đuôi đèn báo 220 VAC	42,000
	ARP-F		Phần đầu đèn báo	11,000
	AR-B24		Phần đuôi đèn trực tiếp 24 VDC	22,000
	ARP-F-B24R (Y,G)		Đèn trực tiếp 24 VDC	33,000
	ARP-F-LA2R (Y,G)		Đèn LED biến thế 220V	110,000
	NÚT NHẤN MŨI TÊN - Φ22			
	ARC-XI1-12A2R (Y,G) Nhấn nhả	1 NO + 1 NC	Đèn sợi đốt, nguồn biến thế 220 VAC	94,000
	AR-112A2		Đuôi (tiếp điểm), nhấn nhả	73,000
	ARC-X1		Đầu nút nhấn	21,000
	AR-212A2		Đuôi (tiếp điểm), nhấn giữ	87,000
	ARC-XI2-12A2R (Y,G) Nhấn giữ		Đèn sợi đốt, nguồn biến thế 220 VAC	108,000
	ARC-XI1-12B24R (Y,G) Nhấn nhả	1 NO + 1 NC	Đèn sợi đốt, nguồn trực tiếp 24 VDC	76,000
	AR-112B24		Đuôi (tiếp điểm), nhấn nhả	55,000
	ARC-X1		Đầu nút nhấn	21,000
	AR-212B24		Đuôi (tiếp điểm), nhấn giữ	69,000
	ARC-XI2-12B24R (Y,G) Nhấn giữ		Đèn sợi đốt, nguồn trực tiếp 24 VDC	90,000
	NÚT NHẤN VUÔNG - Φ22			
	ARC-XS1-12A2R (Y,G) Nhấn nhả		Đèn sợi đốt, nguồn biến thế 220 VAC	96,000
	AR-112A2		Đuôi (tiếp điểm), nhấn nhả	73,000
	ARC-XS		Đầu nút nhấn	23,000
	AR-212A2		Đuôi (tiếp điểm), nhấn giữ	87,000
	ARC-XS2-12A2R (Y,G) Nhấn giữ		Đèn sợi đốt, nguồn biến thế 220 VAC	110,000
	ARC-XS1-12B24R (Y,G) Nhấn nhả		Đèn sợi đốt, nguồn trực tiếp 24 VDC	78,000
	AR-112B24		Đuôi (tiếp điểm), nhấn nhả	55,000
	ARC-XS		Đầu nút nhấn	23,000
	AR-212B24		Đuôi (tiếp điểm), nhấn giữ	69,000
	ARC-XS2-12B24R (Y,G) Nhấn giữ		Đèn sợi đốt, nguồn trực tiếp 24 VDC	92,000

Hình ảnh	Mã hàng	Đặc điểm kỹ thuật		Đơn giá VND
		Tiếp điểm	Điện áp	
	CÔNG TẮC XOAY 2 VỊ TRÍ - Φ22			
	ART-2-12A2R (Y,G)	1 NO + 1 NC	Đèn sợi đốt, nguồn biến thế 220 VAC	87,000
	AR-112A2		Đuôi (tiếp điểm) công tắc	73,000
	ART-2		Đầu công tắc	14,000
	AR-112B24		Đuôi (tiếp điểm) công tắc	55,000
	ART-2-12B24R (Y,G)		Đèn sợi đốt, nguồn trực tiếp 24 VDC	69,000
	CÔNG TẮC XOAY 3 VỊ TRÍ - Φ22			
	ART-3-11A2R (Y,G)	2 NO	Đèn sợi đốt, nguồn biến thế 220 VAC	87,000
	ART-3-11B24R (Y,G)		Đèn sợi đốt, nguồn trực tiếp 24 VDC	69,000
CÔNG TẮC KHẨN - Φ22				
 	ARE-4XR-12A2R Nhấn giữ (mũi tên)	1 NO + 1 NC	Đèn sợi đốt, nguồn biến thế 220 VAC	87,000
	AR-112A2		Đuôi (tiếp điểm) công tắc, nhấn giữ	73,000
	ARE-4XR		Đầu công tắc	14,000
	AR-112B24		Đuôi (tiếp điểm) công tắc, nhấn giữ	55,000
	ARE-4XR-12B24R Nhấn giữ (mũi tên)		Đèn sợi đốt, nguồn trực tiếp 24 VDC	69,000
	ARE-4XR-12LB2R Nhấn giữ (mũi tên)	1 NO + 1 NC	Đèn LED 220 VAC	205,000
	ARE-4R-12R Nhấn giữ, mũi tên	1 NO + 1 NC	Không Đèn	61,000
	ARE-4R		Đầu công tắc	19,000
	AR-112		Đuôi (tiếp điểm) công tắc, nhấn giữ	42,000
	ARE-4K-12R Nhấn giữ, chìa khóa	1 NO + 1 NC	Không Đèn	110,000
	ARE-4K		Đầu công tắc	68,000
	AR-112		Đuôi (tiếp điểm) công tắc, nhấn giữ	42,000
	ARE-4B-12R Nhấn nhả, không mũi	1 NO + 1 NC	Không Đèn	55,000
	ARE-4B		Đầu công tắc	13,000
	AR-112		Đuôi (tiếp điểm) công tắc, nhấn nhả	42,000

Hình ảnh	Mã hàng	Đặc điểm kỹ thuật	Đơn giá VND
PHỤ KIỆN			
  	AR-10a	Tiếp điểm thường mở NO	20,000
	AR-20b	Tiếp điểm thường đóng NC	20,000
	AR-112	1 NO + 1 NC	42,000
	AR-112A2	1 NO + 1 NC, nguồn biến thế 220V	73,000
	AR-112B24	1 NO + 1 NC, nguồn trực tiếp 24V	55,000
	AR-50	Đế nhấn giữ	14,000
	AR-73, AR-74	Chụp kín nước	8,000

NÚT NHẤN VÀ ĐÈN BÁO Φ16 (TRÒN, VUÔNG, CHỮ NHẬT)

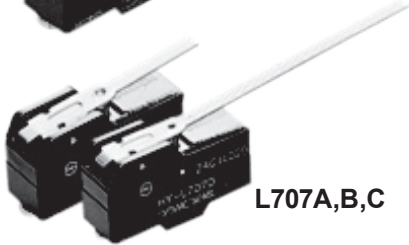
Hình ảnh	Mã hàng	Đặc điểm kỹ thuật		Đơn giá VND
		Tiếp điểm	Điện áp	
 	NÚT NHẤN KHÔNG ĐÈN - Φ16			
	SRF-AF-M1-1R(G, Y, W, B) Tròn, Nhấn nhả	1 NO + 1 NC	Không đèn	40,000
	SRF-M10		Đuôi (tiếp điểm) nút nhấn, nhấn nhả	27,000
	SRF-A1		Đầu nút nhấn	13,000
	SRF-A10		Đuôi (tiếp điểm) nút nhấn, nhấn giữ	47,000
	SRF-AF-A1-1R(G, Y, W, B) Tròn, Nhấn giữ		Không đèn	60,000
	SRF-AF-M2-1R(G, Y, W, B) Vuông, Nhấn nhả	1 NO + 1 NC	Không đèn	40,000
	SRF-M10		Đuôi (tiếp điểm) nút nhấn, nhấn nhả	27,000
	SRF-A2		Đầu nút nhấn	13,000
	SRF-A10		Đuôi (tiếp điểm) nút nhấn, nhấn giữ	47,000
	SRF-AF-A2-1R(G, Y, W, B) Vuông, Nhấn giữ		Không đèn	60,000
	SRF-AF-M3-1R(G, Y, W, B) Chữ nhật, Nhấn nhả	1 NO + 1 NC	Không đèn	40,000
	SRF-M10		Đuôi (tiếp điểm) nút nhấn, nhấn nhả	27,000
	SRF-A3		Đầu nút nhấn	13,000
	SRF-A10		Đuôi (tiếp điểm) nút nhấn, nhấn giữ	47,000
	SRF-AF-A3-1R(G, Y, W, B) Chữ nhật, Nhấn giữ		Không đèn	60,000

Hình ảnh	Mã hàng	Đặc điểm kỹ thuật		Đơn giá VND	
		Tiếp điểm	Điện áp		
   	NÚT NHẤN CÓ ĐÈN - Φ16				
	SRF-AX-M1-13R(G, Y, W, B) Tròn, Nhấn nhả	1 NO + 1 NC	Đèn sợi đốt, 24V	59,000	
	SRX-M13		Đuôi (tiếp điểm) nút nhấn, nhấn nhả	46,000	
	SRF-A1		Đầu nút nhấn	13,000	
	SRX-A13		Đuôi (tiếp điểm) nút nhấn, nhấn giữ	59,000	
	SRF-AX-A1-13R(G, Y, W, B) Tròn, Nhấn giữ	1 NO + 1 NC	Đèn sợi đốt, 24V	72,000	
	SRF-AX-M2-13R(G, Y, W, B) Vuông, Nhấn nhả		Đèn sợi đốt, 24V	59,000	
	SRX-M13		Đuôi (tiếp điểm) nút nhấn, nhấn nhả	46,000	
	SRF-A2		Đầu nút nhấn	13,000	
	SRX-A13	Đuôi (tiếp điểm) nút nhấn, nhấn giữ	59,000		
	SRF-AX-A2-13R(G, Y, W, B) Vuông, Nhấn giữ	1 NO + 1 NC	Đèn sợi đốt, 24V	72,000	
	SRF-AX-M3-13R(G, Y, W, B) Chữ nhật, Nhấn nhả		Đèn sợi đốt, 24V	59,000	
	SRX-M13		Đuôi (tiếp điểm) nút nhấn, nhấn nhả	46,000	
	SRF-A3		Đầu nút nhấn	13,000	
	SRX-A13	Đuôi (tiếp điểm) nút nhấn, nhấn giữ	59,000		
	SRF-AX-A3-13R(G, Y, W, B) Chữ nhật, Nhấn giữ	1 NO + 1 NC	Đèn sợi đốt, 24V	72,000	
	NÚT NHẤN CÓ ĐÈN LED - Φ16				
	     	SRF-AX-M1-15R(G, Y, W, B) Tròn, Nhấn nhả	1 NO + 1 NC	Đèn LED 24V	87,000
		SRX-M15		Đuôi (tiếp điểm) nút nhấn, nhấn nhả	74,000
		SRF-A1		Đầu nút nhấn	13,000
		SRX-A15		Đuôi (tiếp điểm) nút nhấn, nhấn giữ	87,000
SRF-AX-A1-15R(G, Y, W, B) Tròn, Nhấn giữ		1 NO + 1 NC	Đèn LED 24V	100,000	
SRF-AX-M2-15R(G, Y, W, B) Vuông, Nhấn nhả			Đèn LED 24V	87,000	
SRX-M15			Đuôi (tiếp điểm) nút nhấn, nhấn nhả	74,000	
SRF-A2			Đầu nút nhấn	13,000	
SRX-A15		Đuôi (tiếp điểm) nút nhấn, nhấn giữ	87,000		
SRF-AX-A2-15R(G, Y, W, B) Vuông, Nhấn giữ		1 NO + 1 NC	Đèn LED 24V	100,000	
SRF-AX-M3-15R(G, Y, W, B) Chữ nhật, Nhấn nhả			Đèn LED 24V	87,000	
SRX-M15			Đuôi (tiếp điểm) nút nhấn, nhấn nhả	74,000	
SRF-A3			Đầu nút nhấn	13,000	
SRX-A15		Đuôi (tiếp điểm) nút nhấn, nhấn giữ	87,000		
SRF-AX-A3-15R(G, Y, W, B) Chữ nhật, Nhấn giữ		1 NO + 1 NC	Đèn LED 24V	100,000	

Hình ảnh	Mã hàng	Đặc điểm kỹ thuật		Đơn giá VND
		Tiếp điểm	Điện áp	
 	CÔNG TẮC XOAY - Φ16			
	SRS-F2-21 Vuông, tự giữ 2 vị trí, 1 tiếp điểm	1 NO + 1 NC	Không đèn	137,000
	SRS-F1-21 Tròn, tự giữ 2 vị trí, 1 tiếp điểm			137,000
	SRS-F2-22 Vuông, tự giữ 2 vị trí, 2tiếp điểm	2 NO + 2 NC	Không đèn	158,000
	SRS-F1-22 Tròn, tự giữ 2 vị trí, 2tiếp điểm			158,000
	SRS-F2-32 Vuông, tự giữ 3 vị trí, 2 tiếp điểm	2 NO + 2 NC	Không đèn	158,000
	SRS-F1-32 Tròn, tự giữ 3 vị trí, 2 tiếp điểm			158,000
  	ĐÈN BÁO - Φ16			
	SRP-A1-3R(Y,G, W, B) Tròn	Đèn sợi đốt, 24V		44,000
	SRP-A2-3R(Y,G, W, B) Vuông			44,000
	SRP-A3-3R(Y,G, W, B) Chữ nhật			44,000
	ĐÈN BÁO LED - Φ16			
	SRP-A1-5R(Y,G, W, B) Tròn	Đèn LED 24 VAC		68,000
	SRP-A2-5R(Y,G, W, B) Vuông			68,000
SRP-A3-5R(Y,G, W, B) Chữ nhật			68,000	
	CÔNG TẮC CHÌA KHÓA - Φ16			
	SRK-1-21 Tròn, Tự giữ 2 vị trí	1 NO + 1 NC	Không đèn	137,000
	SRK-1-3-2 Tròn, Tự giữ 3 vị trí			158,000
	CÔNG TẮC KHẨN (Chỉ có màu đỏ) - Φ16			
	SRE-F-1	1 NO + 1 NC	Không đèn	137,000
	SRE-X-13		Đèn sợi đốt 24 VAC	174,000
	SRE-X-15		Đèn LED 24 V	190,000

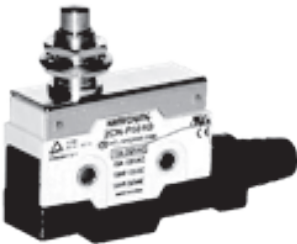
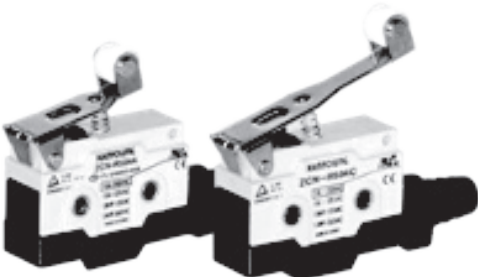
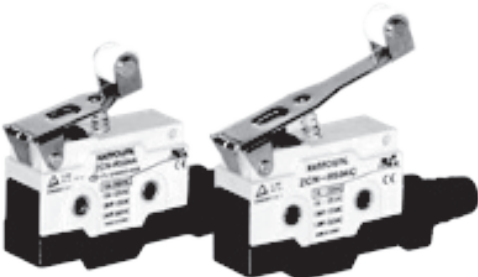
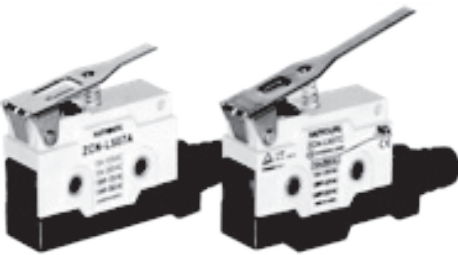
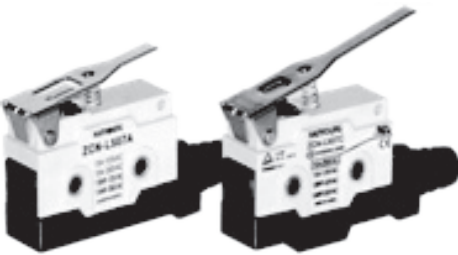
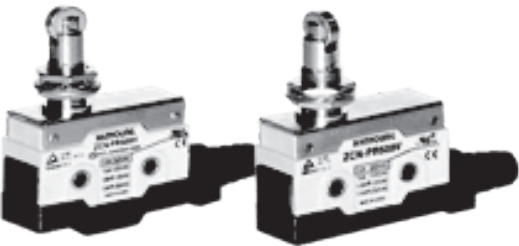
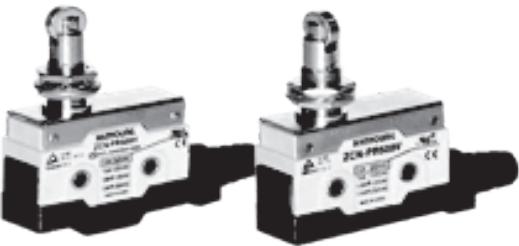
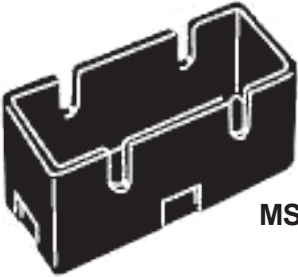
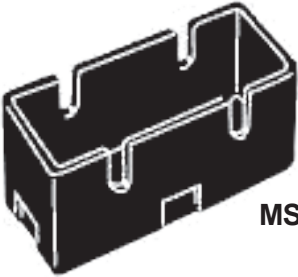
CÔNG TÁC HÀNH TRÌNH

DÒNG SẢN PHẨM HY-M / HY-L / HY-LS SERIES

Hình ảnh	Mã hàng	Đặc điểm kỹ thuật	Đơn giá VND
 P701A	HY-P701A	Đầu nút nhấn, loại dài	80,000
	HY-P701B	Đầu nút nhấn, loại ngắn	53,000
 P701B	HY-P701C	Đầu bi	47,000
 P701C	HY-P701D	Đầu nhấn	58,000
 P701D	HY-R704A	Tay đòn ngắn + Bánh xe	58,000
 R704A,B,C	HY-R704B	Tay đòn vừa + Bánh xe	58,000
	HY-R704C	Tay đòn dài + Bánh xe	58,000
	HY-R704-2W	Tay đòn + Bánh xe đôi	60,000
 R708A	HY-L707A	Cần ngắn	52,000
 R708B	HY-L707B	Cần vừa	52,000
 R704 -2W	HY-L707C	Cần dài	53,000
	HY-L707D	Cần dài đặc biệt	55,000
 L707A,B,C	HY-PR708A	Đầu bánh xe ngang	88,000
	HY-PR708B	Đầu bánh xe dọc	88,000

CÔNG TÁC HÀNH TRÌNH

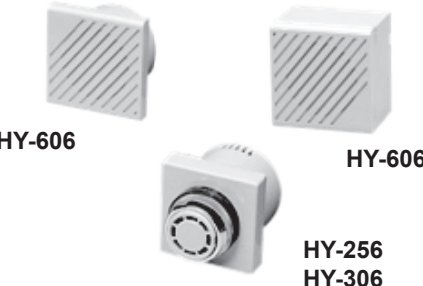
DÒNG SẢN PHẨM HY-M / HY-L / HY-LS SERIES

Hình ảnh	Mã hàng	Đặc điểm kỹ thuật	Đơn giá VND
 P501O	ZCN-P501O	Đầu nút nhấn	111,000
 R504A R504C	ZCN-R504A	Đầu cần ngắn + Bánh xe	95,000
 R504A R504C	ZCN-R504C	Đầu cần dài + Bánh xe	95,000
 L507A L507C	ZCN-L507A	Đầu cần ngắn	90,000
 L507A L507C	ZCN-L507C	Đầu cần dài	90,000
 PR508H PR508V	ZCN-PR508V	Bánh xe lăn ngang	130,000
 PR508H PR508V	ZCN-PR508H	Bánh xe lăn dọc	130,000
 MS -10	ZCN-L509	Kiểu cây lò xo	127,000
 MS -10	MS-10	Để dành cho dòng công tắc hành trình nhỏ	5,000

DÒNG SẢN PHẨM HY-M / HY-L / HY-LS SERIES

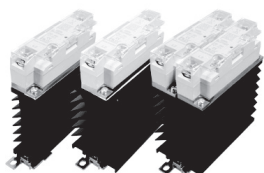
Hình ảnh	Mã hàng	Đặc điểm kỹ thuật	Đơn giá VND
 M902 M903 M904  M909 M907  M908 M908L M908R	HY-M902	Dạng pittong đầu con lăn.	140,000
	HY-M903	Dạng pittong đầu bi.	180,000
	HY-M904	Dạng cần gạt đầu con lăn, có thể điều chỉnh kích thước.	130,000
	HY-M907	Dạng cần dài, có thể điều chỉnh kích thước.	120,000
	HY-M908	Dạng cần gạt đầu con lăn.	120,000
	HY-M908R	Dạng cần gạt đầu con lăn lớn.	264,000
	HY-M908L	Dạng cần gạt chữ L có 2 con lăn.	284,000
	HY-M909	Dạng lò xo	125,000
 L804 L807 L808 L809	HY-L804	Dạng cần gạt đầu con lăn, có thể điều chỉnh kích thước.	115,000
	HY-L807	Dạng cần dài, có thể điều chỉnh kích thước.	115,000
	HY-L808	Dạng cần gạt đầu con lăn.	115,000
	HY-L809	Dạng lò xo	100,000
 LS802N LS803N LS803RN  LS807N LS804N LS808N	HY-LS802N	Dạng pittong đầu con lăn.	77,000
	HY-LS803N	Dạng pittong đầu bi.	76,000
	HY-LS803RN	Dạng cần có con lăn, chỉ tác động 1 chiều.	80,000
	HY-LS804N	Dạng cần gạt đầu con lăn, có thể điều chỉnh kích thước.	95,000
	HY-LS807N	Dạng cần dài, có thể điều chỉnh kích thước.	95,000
	HY-LS808N	Dạng cần gạt đầu con lăn.	90,000

Hình ảnh	Mã hàng	Đặc điểm kỹ thuật	Đơn giá VND
ĐIỀU KHIỂN CẦN TRỤC			
	HY-1022B	2 nút, không có dừng khẩn	141,000
	HY-1022SB	2 nút, có dừng khẩn	200,000
	HY-1022ST/SD	2 nút, điều khiển 2 cấp tốc độ + dừng khẩn	240,000
	HY-1024AB	4 nút, không có dừng khẩn	200,000
	HY-1024BB	4 nút, không có dừng khẩn	214,000
	HY-1024SBB	4 nút, có dừng khẩn	276,000
	HY-1026ABB	6 nút, không có dừng khẩn	284,000
	HY-1026SBBB	6 nút, có dừng khẩn	362,000
	HY-1026ST/SDBB	6 nút, điều khiển 2 cấp tốc độ + dừng khẩn	370,000
	HY-1028ABBB	8 nút, không có dừng khẩn	363,000
	HY-1028SBBB	8 nút, điều khiển 1 cấp tốc độ + dừng khẩn	660,000
	HY-1028ADBB	8 nút, điều khiển 2 cấp tốc độ	753,000
	HY-1026BBB	6 nút, không có dừng khẩn	296,000
CÔNG TẮC CẦN GẠT			
	LEL-02-1	2 vị trí, tự trả về	325,000
	LEL-04-1	4 vị trí, tự trả về	376,000
	LEL-04-2	4 vị trí, không tự trả về	376,000
CÔNG TẮC BÀN ĐẠP			
	HY-101	Vỏ nhựa	93,000
	HY-102	Vỏ nhôm	118,000
	HY-103	Vỏ nhôm, kích thước trung bình	220,000
	HY-104	Vỏ nhôm, kích thước lớn	649,000
	HY-105	Vỏ nhôm, kích thước lớn	660,000

Hình ảnh	Mã hàng	Đặc điểm kỹ thuật	Đơn giá VND
CÔNG TẮC ĐÓNG CẮT TRỰC TIẾP ĐỘNG CƠ ĐIỆN			
	MAS-025-A/B	3 pha, 25A/690 VAC	693,000
	MAS-063-A/B	3 pha, 63A/690 VAC	924,000
	MAS-125-A/B	3 pha, 125A/690 VAC	1,419,000
CÔNG TẮC NGUỒN ĐÓNG CẮT TRỰC TIẾP ĐỘNG CƠ ĐIỆN BẰNG NÚT ÁN			
	HY-510	3 pha, 15A/250 VAC	116,000
	HY-512	2 pha, 15A/250 VAC	84,000
	HY-513	3 pha, 15A/250 VAC	84,000
	HY-514	3 pha, 15A/250 VAC	95,000
	HY-516	3 pha, 15A/250 VAC	284,000
	HY-517	3 pha, 15A/250 VAC	89,000
	BE-215	3 pha, 15A/250 VAC	84,000
	BE-230	3 pha, 30A/250 VAC	231,000
	BEW-215	3 pha, 15A/250 VAC	185,000
	BEW-230	3 pha, 30A/250 VAC	288,000
	BEWT-215	3 pha, 15A/250 VAC	210,000
	BEWT-315	3 pha, 30A/250 VAC	357,000
CHUYỂN MẠCH VOLT - AMPE			
	HY-V332-10A	Chuyển mạch Volt	147,000
	HY-V332B-10A		147,000
	HY-V333-10A		147,000
	HY-V343-10A		147,000
	HY-A332-10A	Chuyển mạch Ampe	147,000
	HY-A333-10A		176,000
	HY-A343-10A		184,000
	HY-CSL-1-10A	Chuyển mạch On/ Off - 10A	132,000
	HY-CSL-L-10A		165,000
CÒI BẢO			
	HY-256-24	Φ25, điện áp 24 VDC	56,000
	HY-256-2	Φ25, điện áp 220 VAC	
	HY-306-24	Φ30, điện áp 24 VDC	
	HY-306-2	Φ30, điện áp 220 VAC	
	HY-606N-24	Φ60, điện áp 24V	76,000
	HY-606N-2	Φ60, điện áp 220V	72,000
	HY-606-220/24	Φ60, điện áp 220/24V	75,000
	HY-606-2	Φ60, điện áp 24V	75,000

RELAY BÁN DẪN

Hình ảnh	Mã hàng	Đặc điểm kỹ thuật			Đơn giá VND
		Ampere	Pha	Input/ Output	
  	HSR-2A102Z	10A	1 phase Input/ 1 phase Output	90~264V/ 90~ 264V	175,000
	HSR-2A104Z			90~264V/ 90~ 480V	208,000
	HSR-2A202Z	20A		90~264V/ 90~ 264V	226,000
	HSR-2A204Z			90~264V/ 90~ 480V	376,000
	HSR-2A302Z	30A		90~264V/ 90~ 264V	230,000
	HSR-2A304Z			90~264V/ 90~ 480V	389,000
	HSR-2A402Z	40A		90~264V/ 90~ 264V	230,000
	HSR-2A404Z			90~264V/ 90~ 480V	389,000
	HSR-2A502A-T	50A		90~264V/ 90~ 264V	1,013,000
	HSR-2A504Z			90~264V/ 90~ 480V	802,000
	HSR-2A504A-T			90~264V/ 90~ 480V	1,254,000
	HSR-2A702A-T	70A		90~264V/ 90~ 264V	1,201,000
	HSR-2A704Z			90~264V/ 90~ 480V	1,069,000
	HSR-2A704A-T			90~264V/ 90~ 480V	1,547,000
	HSR-2D102Z	10A	Input DC/ 1 phase Output	4~32V/ 90~ 264V	170,000
	HSR-2D104Z			4~32V/ 90~ 480V	204,000
	HSR-2D202Z	20A		4~32V/ 90~ 264V	220,000
	HSR-2D204Z			4~32V/ 90~ 480V	372,000
	HSR-2D302Z	30A		4~32V/ 90~ 264V	224,000
	HSR-2D304Z			4~32V/ 90~ 480V	385,000
	HSR-2D402Z	40A		4~32V/ 90~ 264V	224,000
	HSR-2D404Z			4~32V/ 90~ 480V	385,000
	HSR-2D502D-T	50A		4~32V/ 90~ 264V	1,013,000
	HSR-2D504Z			4~32V/ 90~ 480V	800,000
	HSR-2D504D-T			4~32V/ 90~ 480V	1,254,000
	HSR-2D702D-T	70A		4~32V/ 90~ 264V	1,201,000
	HSR-2D704Z			4~32V/ 90~ 480V	1,060,000
	HSR-2D704D-T			4~32V/ 90~ 480V	1,547,000

Hình ảnh	Mã hàng	Đặc điểm kỹ thuật			Đơn giá VND
		Ampere	Pha	Input/ Output	
  	HSR-3A102Z	10A	1 phase Input/ 3 phase Output	90~264V/ 90~ 264V	572,000
	HSR-3A104Z			90~264V/ 90~ 480V	671,000
	HSR-3A202Z	20A		90~264V/ 90~ 264V	724,000
	HSR-3A204Z			90~264V/ 90~ 480V	1,175,000
	HSR-3A302Z	30A		90~264V/ 90~ 264V	737,000
	HSR-3A304Z			90~264V/ 90~ 480V	1,214,000
	HSR-3A402Z	40A		90~264V/ 90~ 264V	737,000
	HSR-3A404Z			90~264V/ 90~ 480V	1,214,000
	HSR-3A502Z	50A		90~264V/ 90~ 264V	1,152,000
	HSR-3A504Z			90~264V/ 90~ 480V	1,799,000
	HSR-3A702Z	70A		90~264V/ 90~ 264V	1,446,000
	HSR-3A704Z			90~264V/ 90~ 480V	2,043,000
	HSR-3D102Z	10A	Input DC/ 3 phase Output	4~32V/ 90~ 264V	559,000
	HSR-3D104Z			4~32V/ 90~ 480V	657,000
	HSR-3D202Z	20A		4~32V/ 90~ 264V	710,000
	HSR-3D204Z			4~32V/ 90~ 480V	1,161,000
	HSR-3D302Z	30A		4~32V/ 90~ 264V	723,000
	HSR-3D304Z			4~32V/ 90~ 480V	1,200,000
	HSR-3D402Z	40A		4~32V/ 90~ 264V	723,000
	HSR-3D404Z			4~32V/ 90~ 480V	1,200,000
	HSR-3D502Z	50A		4~32V/ 90~ 264V	1,152,000
	HSR-3D504Z			4~32V/ 90~ 480V	1,799,000
	HSR-3D702Z	70A		4~32V/ 90~ 264V	1,446,000
	HSR-3D704Z			4~32V/ 90~ 480V	2,043,000
	HSR-3D704Z-T			4~32V/ 90~ 480V	3,000,000
	HSR-SLD-152Z	15A/1contact	Input DC/ 1 phase Output	4~32V/ 90~ 264V	284,000
	HSR-SLD-252Z	25A/1contact		4~32V/ 90~ 264V	372,000
	HSR-SLD-402Z	40A/1contact		4~32V/ 90~ 264V	481,000
	HSR-SLD-154Z	15A/1contact		4~32V/ 90~ 480V	317,000
	HSR-SLD-254Z	25A/1contact		4~32V/ 90~ 480V	612,000
	HSR-SLD-404Z	40A/1contact		4~32V/ 90~ 480V	700,000
	HSR-SLD-2C152Z	15A/2contact		4~32V/ 90~ 264V	737,000
	HSR-SLD-2C154Z	15A/2contact		4~32V/ 90~ 480V	825,000

DOMINO TẾP

	HYBT - 10A	10A	1		4,000
	HYBT - 15A	15A	1		5,000
	HYBT - 25A	25A	1		6,000
	HYBT - 35A	35A	1		7,000
	HYBT - 60A	60A	1		11,000
	HYBT - 100A	100A	1		15,000
	HYBT-15A-2	15A - 2 tầng	1		8,000

Hình ảnh	Mã hàng	Đặc điểm kỹ thuật			Đơn giá VND
		Ampere	Pha	Input/ Output	
TERMINAL BLOCK (DOMINO)					
	HYT-1010	10A	10		26,000
	HYT-203	20A	3		17,000
	HYT-204		4		18,000
	HYT-206		6		24,000
	HYT-2010		10		38,000
	HYT-2012		12		44,000
	HYT-2015		15		53,000
	HYT-2020		20		67,000
	HYT-303	30A	3		21,000
	HYT-304		4		26,000
	HYT-306		6		32,000
	HYT-3010		10		51,000
	HYT-603	60A	3		60,000
	HYT-604		4		63,000
	HYT-1003	100A	3		75,000
	HYT-1004		4		92,000
	HYT-1503	150A	3		120,000
	HYT-1504		4		145,000
	HYT-2003	200A	3		150,000
	HYT-2004		4		179,000
	HYT-3003	300A	3		273,000
	HYT-3004		4		350,000
	HYT-4003	400A	3		342,000
	HYT-4004		4		376,000
	HYT-5003	500A	3		453,000
	HYT-5004		4		573,000

Hình ảnh	Mã hàng	Đặc điểm kỹ thuật	Đơn giá VND
RỜ LE MỨC NƯỚC			
	FS-3	Rờ le mức nước	168,000
	KH-RS-R8	Đế rò le mức nước FS-3 (8 chân)	34,000
	HY-ER3	Đế giữ điện cực (3 chân)	72,000
	KFS-ES3 (koino)	Đế giữ điện cực (3 chân)	98,000
	NẮP CHẶN DÀNH CHO DOMINO TẾP		
	HYBT-SP10	Dùng cho HYBT-10	2,000
	HYBT-02	Dùng cho HYBT-15	3,000
	HYBT-03	Dùng cho HYBT-25	3,000
	HYBT-04	Dùng cho HYBT-35	3,000
	HYBT-05	Dùng cho HYBT-60	4,000
	HYBT-06	Dùng cho HYBT-100	4,000
	HYBT-12A/ B	Dùng cho HYBT-15-2 (A/B: Chặn đầu/ cuối)	4,000
	THANH RAY + CÁC PHỤ KIỆN KHÁC		
	HYBT-CH10	Thanh ray nhôm dùng cho HYBT-10A	37,000
	HYBT-01	Thanh ray nhôm dùng cho HYBT-15A đến 100A	37,000
	HYBT-08	Nắp đậy nhựa dùng cho HYBT-15A, 25A, 35A	42,000
	HYBT-09	Nắp đậy nhựa dùng cho HYBT-60A, 100A	42,000
	HYBT-10	Miếng đánh số dùng cho HYBT-15A, 25A, 35A	2,000
	HYBT-11	Miếng đánh số dùng cho HYBT-60A, 100A	2,000
	BIZ-07	Chặn sắt dùng cho HYBT-15,25,35,60,100A	4,000
	BIZ-07-10A	Chặn sắt dùng cho HYBT-10A	3,000
HỘP GẮN CÔNG TẮC Φ 25, Φ 30			
	HY-25-03	Hộp sắt Φ 25, 3 lỗ	75,000
	HY-30-03	Hộp sắt Φ 30, 3 lỗ	75,000
	HY-F15-1	Cầu chì kiếng	15,000